

Bản án số: 324/2024/HC-PT

Ngày: 22-08-2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phùng Anh Dũng**

Các Thẩm phán: bà **Trần Thị Kim Liên**

ông **Nguyễn Cường**.

- *Thư ký phiên tòa:* **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:* ông **Quách Hoà Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 148/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2024/HC-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1547/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Đình Thế H**, sinh năm 1954.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đình Thế H: Ông **Đình Quang T**, sinh năm 1984 (theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2024).

Cùng địa chỉ: **Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) **thành phố Q**.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch **UBND thành phố Q**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn L** - Phó Chủ tịch **UBND thành phố Q** (theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2022).

Địa chỉ: **Số D H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Phạm Văn T1** - Phó Trưởng **Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q.**

Địa chỉ: **Số D N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã **N, thành phố Q.**

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch **UBND xã N.**

Địa chỉ: **Xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

2. Bà **Vi Thị T2**, sinh năm 1953.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vi Thị T2: Ông **Đinh Quang T**, sinh năm 1984 (theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2024).

3. Ông **Đinh Quang T**, sinh năm 1984.

4. Bà **Đinh Thị Thu N**, sinh năm 1986.

5. Ông **Đinh Quang T3**, sinh năm 1991.

6. Bà **Đinh Thị Lan P**, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: **Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

Bà N1, ông T3, bà P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Ông **Nguyễn Q**, sinh năm 1936 (đã chết).

Địa chỉ: **Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Q:

7.1. Ông **Nguyễn L**, sinh năm 1966.

7.2. Bà **Nguyễn Thị Q1**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: **Thôn G, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.**

7.3. Bà **Nguyễn Thị Hồng T4** (tên gọi khác **Nguyễn Thị T4**), sinh năm 1971.

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

Ông L, bà Q1, bà T4 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7.4. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: **Thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

7.5. Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: **Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

7.6. Ông **Nguyễn T5**, sinh năm 1974.

7.7. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: **Thôn C, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

7.8. Ông **Nguyễn Đ**, sinh năm 1976.

7.9. Ông **Nguyễn Hữu T6**, sinh năm 1983.

7.10. Ông **Nguyễn Hữu Q2**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: **Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

7.11. Bà **Nguyễn Thị M1**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: **Thôn X, xã N, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

Chỗ ở hiện nay: **Số G B, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 09/5/2022, các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung nộp ngày 01/8/2022, 15/10/2022 của ông Đình Thế H, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Đình Thế H trình bày:***

Sau khi thống nhất đất nước, chính quyền kêu gọi những người dân ai có đất thì đưa vào Hợp tác xã để làm ăn chung và đóng sản lượng lúa cho **Hợp tác xã N2**, trong đó có gia đình ông **Đình Thế H**. Sau khi Nghị định 64-CP của Chính phủ có hiệu lực, chính quyền tổ chức phân chia đất cho các hộ dân, bình quân mỗi nhân khẩu nhận 250m² đất nông nghiệp. Gia đình ông **H** có 06 nhân khẩu bắt được ba sào tại **B thuộc thôn H, xã N** làm ăn và đóng sản lượng lúa cho Nhà nước, nay có số thửa 1453, diện tích 867,1m² và thửa 1426, diện tích 811,6m².

Trong thời gian sản xuất, gia đình ông **H** được Nhà nước công nhận và cấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất duy nhất vào năm 2000 cho cả ba sào đất nêu trên với tổng diện tích 1.678,1m², được UBND xã xác nhận. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này sau đó đã bị **UBND xã N** thu hồi. Do hoàn cảnh khó khăn, ông **H** đi làm ăn xa nên để lại cho vợ con ba sào ruộng trồng trọt, chăn nuôi và sản xuất. Năm 2004, gia đình báo cho ông **H** biết thông tin **UBND xã N** lấy đất của ông **H** chia cho ông **Nguyễn Quế**.

Năm 2011 chính quyền quyết định cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà **Vi Thị T2** (vợ ông **H**) đến nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết đất này bị tách làm hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 1453, diện tích 867,1m² và thửa 1426, diện tích 811,6m², khi hỏi lý do thì **UBND xã N** trả lời cấp cho ông bà đứng tên, đủ diện tích.

Từ năm 2004 đến nay, ông **Nguyễn Q** sử dụng thửa đất số 1426, diện tích 811,6m² dưới sự bao che của **UBND xã N** và không có giấy tờ chứng minh. Năm 2015, ông **H** về quê và đến **UBND xã N** hỏi tại sao lại lấy đất của ông nhưng UBND xã không trả lời, không tiếp công dân, khi ông gửi đơn thì mới tiếp nhận đơn nhưng không giải quyết; đến năm 2022, Chủ tịch **UBND xã N** mới chịu tiếp công dân. Trong biên bản tiếp công dân, **UBND xã N** cho rằng tính đất từ trong vườn tính ra, trong khi đất trong vườn của gia đình ông **H** là đất ông bà lưu hạ, có phần của anh ruột liệt sĩ **Đình M2** để thờ cúng hương quả là không đúng; Chủ tịch **UBND xã N** còn yêu cầu ông **H** phải giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, diện tích 811,6m² cho **UBND xã N** để kiến nghị cơ quan cấp trên, cấp đổi cho ông **Nguyễn Q** và có ý

cảnh cáo gia đình ông không được có hành vi ngăn cản việc sản xuất của ông **Nguyễn Quế**.

Do Chủ tịch **UBND xã N** giải quyết không đúng nên ông đã gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch **UBND thành phố Q** nhưng Chủ tịch **UBND thành phố Q** có Công văn số 06/TBCD ngày 19/4/2021 không giải quyết, giao cho **UBND xã N** giải quyết đơn khiếu nại của ông. Ngày 29/4/2021, **UBND thành phố Q** ra thông báo và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1426, diện tích 811,6m², đến ngày 26/8/2021, ra quyết định hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Rõ ràng, cách giải quyết như vậy là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và bao che cho cấp dưới. Hơn nữa, gia đình ông **H** không kê khai cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà do chính quyền tự ý thực hiện, tại Kết luận giám định số 1153/KL-KTHS ngày 20/12/2023 của **Phòng K Công an tỉnh Q** đã kết luận chữ ký “H” và tên “**Đinh Thế H**” trong đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 05/10/2010 đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 05 **xã N**, diện tích 811,6m² không phải chữ ký của ông **H**.

Từ những lý do trên, ông **Đinh Thế H** yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Thông báo số 192/TB-UBND ngày 29/4/2021 của **UBND thành phố Q** về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2, xã N, thành phố Q**; Hủy Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của **UBND thành phố Q** về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2, xã N, thành phố Q**; Hủy Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của **UBND thành phố Q** về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2, xã N, thành phố Q**.

*** Tại Văn bản số 4361/UBND-NC ngày 25/11/2022, Văn bản số 980/UBND-NC ngày 29/3/2023 của UBND thành phố Q và tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:**

Qua Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 20/01/2020 của **UBND xã N** về việc xử lý nội dung đơn của ông **Đinh Thế H**, ở **xã N**, thể hiện: Về nguồn gốc đất: Năm 1982, khi HTXNN Đông Hà giao khoán cho xã viên HTX thì 02 thửa đất số 2170 và 1492, tờ bản đồ số 3 (bản đồ đo vẽ năm 1993) nay là thửa đất số 1453 và 1426, tờ bản đồ số 5 (đo vẽ năm 2011), HTX giao khoán cho hộ ông **Đinh Thế H** sản xuất. Đến năm 1998, khi thực hiện Nghị định 64-CP cân đối để giao theo khẩu nông nghiệp thì HTXNN Đông Hà được **UBND huyện T** phê duyệt ngày 08/10/1998 bình quân 01 nhân khẩu 260m²/khẩu. Đối với hộ ông **Đinh Thế H** tại thời điểm đó có 06 khẩu được cân đối giao đất từ trong vườn (đã

trừ đất ở là 200m²) ra đồng với diện tích 1.921m² gồm thửa 2170, tờ bản đồ số 3 (đất M); thửa số 489, tờ bản đồ số 2 (đất vườn) nên thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3, **UBND xã N** không giao cho hộ ông **H** mà giao cho hộ ông **Q** (tại thời điểm giao đất theo Nghị định 64-CP thì hộ ông **Q** có 14 khẩu được giao 3.640m² nhưng thực tế ông **Q** sản xuất 1.056,7m² nên UBND xã đã điều chỉnh thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3, diện tích 800m² cho ông **Q** sản xuất từ năm 1998 đến nay. Sổ mục kê đăng ký đất đai thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3 do ông **Nguyễn Q** đăng ký. Năm 2011, khi đo đạc lập bản đồ mới theo dự án VLAP và tổ chức đăng ký cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất số 2170 và 1492, tờ bản đồ số 3 (bản đồ đo vẽ năm 1993) nay là thửa đất số 1453 và 1462, tờ bản đồ số 5 (đo vẽ năm 2011) ông **Đinh Thế H** đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do việc lập hồ sơ nhiều, tổ công tác dự án không kiểm tra kỹ dẫn đến lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Đinh Thế H** thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5.

Ngày 16/6/2020, **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q** tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Nguyễn Q** đối với thửa đất số 1426, diện tích 811,6m², tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây hàng năm khác. Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ thửa đất số 1426 đã được **UBND huyện T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Đinh Thế H**, bà **Vi Thị T2**; tuy nhiên, trên thực tế hộ ông **H**, bà **T2** đang sử dụng thửa đất số 1453 (tiếp giáp thửa số 1426). **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q** đã có Báo cáo số 141/BC-CNTP ngày 31/8/2020 đề nghị UBND thành phố chỉ đạo thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với thửa đất số 1426.

Ngày 16/7/2020, ông **Đinh Thế H** phát sinh đơn yêu cầu giải quyết việc Chủ tịch **UBND xã N** lấy đất của gia đình ông giao cho người khác sử dụng. UBND thành phố đã giao Cơ quan Ủy ban kiểm tra - Thanh tra thành phố rà soát, thẩm tra xác minh tại Văn bản số 724/UBND-TN ngày 02/3/2021.

Qua nội dung báo cáo của **UBND xã N** và kết quả thẩm tra, xác minh của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra thành phố tại Báo cáo số 37/BC-UBKTTTTr ngày 06/4/2021, thể hiện: Thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3 (bản đồ lập năm 1993), nay là thửa đất 1426, tờ bản đồ số 5 đo vẽ năm 2011 (dự án VLAP), năm 1982 **HTX N3** đã giao khoán cho hộ ông **Đinh Thế H** sản xuất. Đến năm 1998, thực hiện đề án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64-CP của **xã N**, thửa đất số 1426 được cân đổi cho hộ ông **Nguyễn Q** sử dụng là phù hợp với chính sách, pháp luật đất đai tại thời điểm. Từ năm 1998 đến năm 2020, hộ ông **H** không khiếu nại, tranh chấp, thắc mắc về việc cân đổi, sử dụng đất của ông **Nguyễn Quế**. Từ năm 1998 đến nay, hộ ông **H**, bà **T2** không phải hộ sử

dụng thửa đất số 1426. Do đó, hộ ông H, bà T2 không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1426 theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (nay là Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013). Việc hộ ông H, bà T2 kê khai không đúng thực tế, UBND xã N và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T có sai sót khi xác lập thủ tục, dẫn đến trình UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Thế H, bà Vi Thị Tuyết s phát hành BH990940, số vào sổ cấp GCN: CH04839, thửa đất số 1426, diện tích 811,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc tờ bản đồ số 5, thôn T, xã N là không đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh của cơ quan Ủy ban kiểm tra - Thanh tra thành phố và kiến nghị của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q; Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q đã tham mưu UBND thành phố thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho hộ ông Đinh Thế H, bà Vi Thị T2, số phát hành BH990940, số vào sổ cấp GCN CH4839, thửa đất số 1426, diện tích 811,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc tờ bản đồ số 5, địa chỉ thôn T, xã N, thành phố Q tại Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 là đảm bảo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

*** Tại Văn bản số 286/UBND ngày 22/11/2022, Biên bản làm việc ngày 02/3/2023, Biên bản làm việc ngày 11/12/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã N trình bày:**

Về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng và đăng ký thửa đất: Thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 5, diện tích 867,1m², loại đất HNK (bản đồ đo vẽ năm 2011) nguyên là thửa đất số 2170, tờ bản đồ số 3, diện tích 832m², loại đất M (bản đồ đo vẽ năm 1993) do ông Đinh Thế H sử dụng và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, diện tích 811,6m², loại đất HNK (bản đồ đo vẽ năm 2011), nguyên là thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3, diện tích 800m², loại đất M (bản đồ đo vẽ năm 1993) do ông Nguyễn Q sử dụng nhưng chưa đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2011, ông Đinh Thế H đã kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án VLAP, cấp đổi đổi với thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 5, diện tích 867,1m², loại đất HNK (bản đồ đo vẽ năm 2011), nguyên là thửa đất số 2170, tờ bản đồ số 3, diện tích 832m², loại đất M (bản đồ đo vẽ năm 1993) và lập hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đổi với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, diện tích 811,6m², loại đất HNK (bản đồ đo vẽ năm

2011), nguyên là thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3, diện tích 800m², loại đất M (bản đồ đo vẽ năm 1993) và đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H vào ngày 23/12/2011. Việc UBND thành phố Q thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đinh Thế H là theo thẩm quyền quy định.

Thực trạng đang sử dụng đất hiện nay của hai thửa đất là: đối với thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 5, diện tích 867,1m², loại đất HNK (bản đồ đo vẽ năm 2011) do ông Đinh Thế H quản lý sử dụng; đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, diện tích 811,6m², loại đất HNK (bản đồ đo vẽ năm 2011) do ông Nguyễn Q quản lý, sử dụng nhưng chưa đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đề án giao đất cho hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định 64-CP tại thôn T, xã N lúc đó UBND xã N giao cho HTXNN Đông Hà lập đề án và được UBND huyện T phê duyệt. Về hồ sơ do HTX N3 quản lý lưu trữ, hiện nay HTXNN không hoạt động nữa nên hồ sơ bị môi ăn, thất lạc không còn lưu trữ tại xã.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Vi Thị T2, Đinh Quang T, Đinh Thị Thu N, Đinh Quang T3, Đinh Thị Lan P trình bày:** Thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Thế H.

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Q là các ông Nguyễn Đ, Nguyễn Hữu T6, Nguyễn Hữu Q2 trình bày:**

Về nguồn gốc thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, diện tích 811,6m², loại đất HNK (bản đồ đo vẽ năm 2011), nguyên là thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3, diện tích 800m², loại đất M (bản đồ đo vẽ năm 1993) do Nhà nước cân đối đất theo Nghị định 64-CP của Chính phủ cho cha các ông (Nguyễn Q), về thời gian cân đối đất đã lâu, các ông không nhớ. Sau khi được cân đối đất, gia đình các ông quản lý, sử dụng trồng hoa màu không ai tranh chấp kể cả ông Đinh Thế H. Về giới cận thửa đất: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn T7, phía Tây giáp đất ông Đinh Thế H, phía Đông giáp đất bà T8, phía Nam giáp đất ông Q3.

Quá trình sử dụng đất, cha các ông có kê khai quyền sử dụng đất trong sổ mục kê của UBND xã N nhưng khi gia đình đăng ký thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết thửa đất này UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Thế H. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H là sai vì ông H không phải là người sử dụng đất nên UBND thành phố Q ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H là đúng pháp luật. Các ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Thế H.

*** Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Q gồm các ông, bà: Nguyễn L, Nguyễn Thị Hồng T4, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị M,**

Nguyễn Thị L1, Nguyễn T5, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị M1: Thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Đ, Nguyễn Hữu T6, Nguyễn Hữu Q2 và không bổ sung gì thêm.

*** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:**

UBND thành phố Q ban hành Thông báo số 192/TB-UBND, Quyết định số 1767/QĐ-UBND cùng ngày 29/4/2021 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2** ở xã N, thành phố Q là có căn cứ, đúng quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông **Đinh Thế H**, giữ nguyên thông báo và các quyết định của UBND thành phố Q.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2024/HC-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348, Điều 362 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 50, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Đinh Thế H** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Thông báo số 192/TB-UBND ngày 29/4/2021 của UBND thành phố Q về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2**, xã N, thành phố Q.

- Hủy Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND thành phố Q về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2**, xã N, thành phố Q.

- Hủy Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND thành phố Q về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2**, xã **N**, thành phố **Q**.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện là ông **Đinh Thế H** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo là ông **Lê Công T9** giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 1, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2 Về Nội dung:

*Xét kháng cáo của ông **Đinh Thế H** thì thấy:*

[2.1] Về nguồn gốc, hồ sơ địa chính và quá trình quản lý, sử dụng thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, xã **N**:

Theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3 xã **N** (bản đồ lập năm 1993), nay là thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5 xã **N** (bản đồ đo vẽ năm 2011 theo dự án VLAP) được HTXNN Đông Hà giao khoán cho hộ ông **Đinh Thế H** sản xuất từ năm 1982. Năm 1998, khi thực hiện Nghị định 64-CP của Chính phủ, HTXNN **Đ** lập đề án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64-CP trên địa bàn xã **N**, được UBND huyện **T** phê duyệt ngày 08/10/1998, bình quân 260m²/khẩu.

Hộ ông **Đinh Thế H** tại thời điểm này có 06 khẩu được cân đối giao đất từ trong vườn (đã trừ đất ở là 200m²) ra đồng với diện tích 1.921m² gồm thửa đất

số 2170, tờ bản đồ số 3, diện tích 832m² (đất M) và thửa đất số 489, tờ bản đồ số 2 xã N (đất vườn). Hiện nay thửa đất số 2170, tờ bản đồ số 3 (bản đồ năm 1993), diện tích 832m² biến động thành thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 05 (bản đồ 2011), diện tích 867,1m² được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Thế H, bà Vi Thị T2 ngày 23/12/2011.

Đối với thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3 (bản đồ lập năm 1993), UBND xã N không giao cho hộ ông Đinh Thế H mà giao cho hộ ông Nguyễn Q sản xuất. Tại thời điểm giao đất theo Nghị định 64-CP của Chính phủ, hộ ông Nguyễn Q có 14 khẩu được giao 3.640m² nhưng thực tế ông Q sản xuất 1.056,7m² nên UBND xã N đã điều chỉnh thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3, diện tích 800m² cho hộ ông Nguyễn Q sản xuất từ năm 1998 đến nay. Theo Sổ mục kê đất đai, thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3 do ông Nguyễn Q kê khai đăng ký.

Quá trình làm việc với cơ quan Ủy ban kiểm tra - Thanh tra thành phố Q vào ngày 22/3/2021 (bút lục 133,134), ông H trình bày từ khi được giao đất (1998) đến nay, hộ ông Nguyễn Q là người sử dụng thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 05, xã N). Tại phiên toà, ông Đinh Thế H trình bày từ năm 2004 đến nay, hộ ông Nguyễn Q là người sử dụng thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 05, xã N. Trong khi đó tại phiên toà, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Q đều trình bày thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, xã N được gia đình ông Nguyễn Q sử dụng từ năm 1998 đến nay.

Mặc dù việc trình bày của các đương sự về thời điểm sử dụng thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, xã N của hộ ông Nguyễn Q không thống nhất nhưng ông Đinh Thế H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Q đều thừa nhận, quá trình hộ ông Nguyễn Q quản lý, sử dụng thửa đất số 1426, hộ ông Đinh Thế H không phát sinh tranh chấp, khiếu nại gì liên quan đến việc sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Q.

[2.2] Theo trình bày của ông Đinh Thế H, khoảng năm 1998-2000, hộ gia đình ông được UBND huyện T cấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích hơn 3 sào (nay là 2 thửa 1453 và 1426, tờ bản đồ số 05, xã N, bản đồ đo vẽ năm 2011). Sau đó, UBND xã N yêu cầu ông H giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tự ý tách thành 2 thửa đất số 1453 và 1426, cùng tờ bản đồ số 05, xã N. Tại Biên bản làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 02/3/2023, UBND xã N khẳng định không yêu cầu ông H giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đất và tự ý tách thành 02 thửa như ông H trình bày.

Mặt khác, theo bản đồ đo vẽ năm 1993 của UBND xã N, thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 03, diện tích 800m², loại đất M và thửa đất số 2170, tờ bản đồ số 03, diện tích 832, loại đất M là 2 thửa riêng biệt nằm liền kề nhau. Theo Sổ mục kê đất đai, thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 3 do ông Nguyễn Q kê khai đăng ký (bút lục 152). Bản đồ địa chính qua các thời kỳ cũng không thể hiện thửa đất số 2170 và thửa đất số 1492 biến động thành 01 thửa. Ông Đinh Thế H cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông được cấp chung một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2170 và thửa đất số 1492. Do đó, lời khai của ông Đinh Thế H là không có căn cứ, không phù hợp với hồ sơ địa chính được lưu giữ tại UBND xã N và hiện trạng sử dụng đất thực tế của hộ ông (bút lục 122).

[2.3] Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 05/10/2010, ông Đinh Thế H có Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 05, xã N, diện tích 811,6m², loại đất BHK, ông H kê khai nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được UBND xã N xác nhận ngày 18/4/2011, nội dung: Nội dung kê khai về đất, tài sản so với hiện trạng: Đúng với hiện trạng sử dụng đất; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T xác nhận ngày 06/10/2011.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Đinh Thế H đều khẳng định ông không làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, xã N. Do đó, chữ ký trong đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này không phải do ông ký nên ông yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông tại đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi ngày 05/10/2010 đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5. Ngày 20/12/2023, Phòng K Công an tỉnh Q có Kết luận giám định số 1153/KL-KTHS kết luận: Chữ ký “Hùng” và tên “Đinh Thế H” tại dòng thứ 12, 13 tính từ trên xuống, của trang 02 trên “ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT”, đề ngày 05/10/2010, của ông Đinh Thế H đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 05 xã N, diện tích 811,6m² (Ký hiệu A) với chữ ký “H” và tên “Đinh Thế H” trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2, M3) là không phải do cùng một người ký, viết ra.

Như vậy, ông Đinh Thế H không phải là người làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 05, xã N vào năm 2010. Do đó, việc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Thế H, bà Vi Thị T2 vào ngày 23/12/2011 đối với thửa đất số 1426 là không đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp ngày 23/12/2011 cho hộ ông Đinh Thế H, bà Vi Thị T2 đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, xã N:

[3.1] Ngày 23/12/2011, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 990940, sổ vào sổ CH04839 cho hộ ông Đinh Thế H, bà Vi Thị T2 đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 05, xã N, diện tích 811,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác.

[3.2] Ngày 12/12/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 123/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện S, huyện T để mở rộng địa giới hành chính thành phố Q và thành lập phường T thuộc thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Do đó, kể từ ngày Nghị quyết số 123/NQ-CP có hiệu lực, xã N thuộc địa giới hành chính thành phố Q.

[3.3] Ngày 16/6/2020, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Q đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, diện tích 811,6m², xã N.

Ngày 02/7/2020, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q phối hợp với UBND xã N kiểm tra hiện trạng thửa đất số 1426 thì phát hiện thửa đất số 1426 đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Thế H. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q có Báo cáo số 141/BC-CNTP ngày 31/8/2020 đề nghị UBND thành phố chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đinh Thế H đối với thửa đất số 1426 vì lý do trường hợp sử dụng đất của hộ ông Đinh Thế H là chưa đúng diện tích và vị trí đất hiện nay đang sử dụng.

Ngày 07/9/2020, UBND thành phố Q có Công văn số 4437/UBND-TN giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND thành phố xử lý nội dung đề nghị của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q. Ngày 24/02/2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q có Báo cáo số 73/BC-TNMT kiến nghị UBND thành phố giao Cơ quan Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra thành phố kiểm tra lại, kết luận cụ thể để có cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp ngày 23/12/2011 cho hộ ông Đinh Thế H, bà Vi Thị T2 đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, xã N.

Sau khi được UBND thành phố Q giao nhiệm vụ; ngày 22/3/2021, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra thành phố làm việc với ông Đinh Thế H, UBND xã N, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q. Ngày 06/4/2021, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra thành phố có Báo cáo số 37/BC-UBKTTTr về kết quả thẩm tra Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông **Đinh Thế H**, bà **Vi Thị T2**, theo đó đã kiến nghị **UBND thành phố Q** quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **UBND huyện T** cấp ngày 23/12/2011, số phát hành BH 990940, số vào sổ CH04839 cho hộ ông **Đinh Thế H**, bà **Vi Thị Tuyết .1**

Ngày 29/4/2021, **UBND thành phố Q** ban hành Thông báo số 192/TB-UBND và Quyết định số 1767/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2** đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, **xã N**.

Thực hiện Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của **UBND thành phố Q**, ngày 18/5/2021, **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q**, **Chi nhánh thành phố Q** làm việc với ông **Đinh Thế H** để thực hiện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Tuy nhiên, ông **Đinh Thế H** không đồng ý giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 26/8/2021, **UBND thành phố Q** ban hành Quyết định số 5083/QĐ-UBND về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2**, **xã N**, **thành phố Q** tại thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, diện tích 811,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác.

Nhận thấy, **UBND thành phố Q** ban hành Thông báo số 192/TB-UBND ngày 29/4/2021, Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, cụ thể là sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Đại diện viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông **Đinh Thế H**, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Như đã phân tích ở trên, xét về nguồn gốc đất cũng như trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **UBND huyện T** cấp ngày 23/12/2011 cho hộ ông **Đinh Thế H**, bà **Vi Thị T2** đối với thửa đất số 1426, tờ bản đồ số 5, **xã N** là đúng theo quy định của pháp luật. Do

đó, Toà án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông H là có cơ sở, tại cấp phúc thẩm ông H không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình nên HĐXX cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của ông và giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Ông H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

[1] Bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Đinh Thế H** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 13/2024/HC-ST ngày 25 - 4 - 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Điều 98, Điều 100 Luật Đất đai 2013; Điều 18, Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Đinh Thế H** đối với yêu cầu:

- Hủy Thông báo số 192/TB-UBND ngày 29/4/2021 của **UBND thành phố Q** về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2, xã N, thành phố Q**.

- Hủy Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của **UBND thành phố Q** về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2, xã N, thành phố Q**.

- Hủy Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của **UBND thành phố Q** về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ ông **Đinh Thế H** và bà **Vi Thị T2, xã N, thành phố Q**.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông **Đinh Thế H** là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng

